

Số: 153/BC-SYT

Hưng Yên, ngày 03 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

**Kết quả ngoại kiểm vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt
Tháng 7 năm 2018**

1. Kết quả kiểm tra vệ sinh cơ sở cung cấp nước có công suất thiết kế trên 1.000m³/ngày đêm:

Tổng số cơ sở được kiểm tra: 17

Tổng số lượt kiểm tra các cơ sở trong tháng: 01

Số cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ nội kiểm theo quy định về vệ sinh: 16/17 chiếm tỷ lệ: 94,1%, Số cơ sở không đạt: 01 chiếm tỷ lệ: 5,9%

Số cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ nội kiểm theo quy định về xét nghiệm: 3/17 chiếm tỷ lệ 17,6%

Số cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin : 16/17 chiếm tỷ lệ: 94,1%

Số cơ sở thực hiện chế độ báo cáo: 8/17 chiếm tỷ lệ: 47,1%

Tổng số cơ sở kiểm tra vệ sinh có ít nhất 2 lần kiểm tra liên tiếp không đạt (tên các cơ sở không đạt): 0

(Có phụ lục 1 kèm theo)

2. Kết quả xét nghiệm nước của nhà máy nước:

(Một mẫu nước làm xét nghiệm bao gồm cả các chỉ số về lý, hoá học và vi sinh vật.
Một mẫu nước đạt quy chuẩn là đạt tất cả các chỉ tiêu theo quy định hiện hành)

Tổng số mẫu nước làm XN: 51 (mẫu)

Tổng số mẫu nước đạt quy chuẩn là: 30 (mẫu). Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 58,8%

Tổng số mẫu nước không đạt quy chuẩn là: 21 (mẫu)

Trong đó:

Không đạt về các chỉ tiêu lý, hoá học là: 21 (mẫu). Tên các chỉ tiêu không đạt: Hàm lượng Clo dư, hàm lượng Mangan, hàm lượng Clorua

Không đạt về các chỉ tiêu vi sinh vật: 07 (mẫu).

Không đạt cả chỉ tiêu lý hóa và vi sinh: 07 (mẫu)

3. Các biện pháp xử lý đối với các nhà máy nước không đảm bảo vệ sinh, chất lượng nước:

Đã yêu cầu các nhà máy khắc phục ngay những tồn tại trên

4. Kết quả kiểm tra vệ sinh của các cơ sở cung cấp nước có công suất thiết kế dưới 1.000m³/ngày đêm.

Tổng số cơ sở được kiểm tra: 17 cơ sở

Tổng số lượt kiểm tra các cơ sở trong tháng: 01

Số cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ nội kiểm theo quy định về vệ sinh: 13/17 chiếm tỷ lệ: 76,47%, Số cơ sở không đạt: 04 chiếm tỷ lệ: 23,53%

Số cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ nội kiểm trong tháng về xét nghiệm: 4/17 chiếm tỷ lệ 23,53% (còn các cơ sở khác chưa đến kỳ hạn)



Số cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin : 14/17 chiếm tỷ lệ: 82,35%

Số cơ sở thực hiện chế độ báo cáo: 1/17 chiếm tỷ lệ: 5,9%

Tổng số cơ sở kiểm tra vệ sinh có ít nhất 2 lần kiểm tra liên tiếp không đạt (tên các cơ sở không đạt): 0

(Có phụ lục 2 kèm theo)

5. Kết quả xét nghiệm nước của các cơ sở cấp nước tập trung có công suất thiết kế dưới 1.000m³/ngày đêm.

(Một mẫu nước làm xét nghiệm bao gồm cả các chỉ số về lý, hóa học và vi sinh vật. Một mẫu nước đạt quy chuẩn là đạt tất cả các chỉ tiêu theo quy định hiện hành)

Tổng số mẫu nước làm XN: 51 (mẫu)

Tổng số mẫu đạt quy chuẩn là: 06 (mẫu). Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn là: 11,8%

Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn là: 45 (mẫu)

Trong đó:

Không đạt về các chỉ tiêu lý, hoá học là: 45 (mẫu). Tên các chỉ tiêu không đạt: Hàm lượng Clo dư, hàm lượng Clorua, hàm lượng Amoni.

Không đạt về các chỉ tiêu vi sinh vật: 04 (mẫu).

Không đạt cả chỉ tiêu lý hóa và vi sinh: 04 (mẫu)

6. Các biện pháp xử lý đối với các nhà máy nước, cơ sở cấp nước không đảm bảo vệ sinh chất lượng nước:

Đã yêu cầu các nhà máy khắc phục ngay những tồn tại trên

7. Nhận xét và kiến nghị:

- Các cơ sở đã lập sổ theo dõi, quản lý vệ sinh, chất lượng nước nhưng chưa đúng theo mẫu qui định, chưa thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về vệ sinh chất lượng nước thành phẩm. Chất lượng nước vẫn chưa ổn định, vẫn còn chỉ tiêu chưa đạt theo qui chuẩn (clo dư, amoni, clorua, mangan, coliforms tổng số, coliforms chịu nhiệt), vệ sinh nơi khai thác nguyên liệu vẫn còn yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước.

- Các cơ sở cung cấp nước chưa có phòng xét nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 về các chỉ tiêu chất lượng nước được xét nghiệm, nên công tác nội kiểm xét nghiệm tại các cơ sở đang gặp nhiều khó khăn trong việc nội kiểm xét nghiệm theo qui định.

- Thống kê của Trung tâm Y tế dự phòng mới có thêm 05 cơ sở đi vào hoạt động và được xây dựng kế hoạch giám sát chất lượng nước vào tháng 8/2018 (tổng số cơ sở là 39)

- Yêu cầu các đơn vị cung cấp nước nghiêm túc thực hiện công tác nội kiểm và báo cáo theo qui định tại thông tư 50/2015/TT-BYT.

Nơi nhận: *[Chữ ký]*

- UBND tỉnh (để BC);
- Đài PTTH HY, Báo HY;
- Trung tâm YTDP;
- Các đơn vị cấp nước;
- Lưu: VT, NVY;



Nguyễn Thị Anh

Phụ lục 1:

Đối với các nhà máy có công suất thiết kế trên 1.000m³/ngày đêm (Thực hiện nội kiểm theo QCVN 01:2009/BYT)

T T	Tên nhà máy	Nguồn nước nguyên liệu	Tần xuất thực hiện vệ sinh			Tần xuất thực hiện xét nghiệm		Tần xuất thực hiện Báo cáo cung cấp thông tin		Ghi chú
			Vệ sinh nơi khai thác nguyên liệu (phiếu chấm điểm nguy cơ của TTYTDP)	Vệ sinh hệ thống sản xuất nước	Số lần /tháng (do CSCC nước thực hiện)	Tần suất /tháng	Số chỉ tiêu xét nghiệm	Công thông tin bố	Báo cáo vệ vình, chất lượng nước theo quy định	
1	Công ty cổ phần nước sạch Hưng Yên	Ngầm	01	Theo thiết kế	Đạt	4/4	15/15 nhóm A	Có	Có	
2	Trạm cấp nước Phú Hưng	Sông Hồng	00	Theo thiết kế	Đạt	4/4	15/15 nhóm A	Có	Có	
3	Trạm cấp nước xã Hải Triều	Sông Luộc	03	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Không	Không	*
4	Trạm cấp nước xã Cương Chính	Sông Luộc	02	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Có	*
5	Trạm cấp nước Ngọc Tuấn	Sông Hồng	0	Theo thiết kế	Đủ	Không	Không	Có	Có	*
6	Trạm cấp nước xã Phú Thịnh	Sông Hồng	01	Theo thiết kế	Chưa	Không	Không	Có	Không	

7	Trạm cấp nước Nguyễn Hòa	Sông Lược	02	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Có	*
8	Trạm cấp nước xã Dạ Trạch	Sông Hồng	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Có	
9	Trạm cấp nước thị tứ Phùng Hưng	Sông Hồng	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Có	
10	Trạm cấp nước thị trấn Yên Mỹ	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
11	Công ty CPĐTKD NS và NGK Thăng Long	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
12	Trạm cấp nước Thịnh Phát	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
13	Nhà máy nước Ecopark	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	4/4	12/15 nhóm A	Có	Không	*
14	Nhà máy nước Phố nổi	Ngầm	01	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Có	*
15	Trạm cấp nước Như Quỳnh	Ngầm	01	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
16	Trạm cấp nước Trung Trắc	Ngầm	01	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	*
17	Trạm cấp nước Trung Hưng	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	

(* phần ghi chú) Là đơn vị đã gửi mẫu đi xét nghiệm trong tháng 7/2018 nhưng chưa lấy được kết quả tại thời điểm kiểm tra.

Phụ lục 2:

Đối với các nhà máy có công suất thiết kế dưới 1.000m³/ngày đêm (Thực hiện nội kiểm theo QCVN 02:2009/BYT)

T T	Tên nhà máy	Nguồn nước nguyên liệu	Tần xuất thực hiện vệ sinh			Tần xuất thực hiện xét nghiệm		Tần xuất thực hiện Báo cáo cung cấp thông tin		Ghi chú
			Vệ sinh nơi khai thác nguyên liệu (phiếu chấm điểm nguy cơ của TTYTDP)	Vệ sinh hệ thống sản xuất nước	Số lần /tháng (do CCCC nước thực hiện)	Tần suất /quý	Số chỉ tiêu xét nghiệm chỉ tiêu nhóm A	Công thông tin bố	Báo cáo vệ vình, chất lượng nước theo quy định	
1	Trạm cấp nước Minh Tân	Sông Cừu An	01	Theo thiết kế	Đạt	01	10/10	Có	Không	
2	Trạm cấp nước xã Hưng Đạo	Sông Cừu An	01	Theo thiết kế	Đạt	01	10/10	Có	Không	
3	Trạm cấp nước xã Thụy Lôi	Ngầm	03	Quá cũ	Không	01	10/10	Không	Không	
4	Trạm cấp nước TT Ân Thi	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	01	10/10	Có	Không	
5	Trạm cấp nước xã Ngũ Lão		Ngừng sản xuất từ 01/6/2018 (Mua nước từ NMN Ngọc Tuấn)							
6	Trạm cấp nước xã Thuận Hưng	Sông Cừu An	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	

7	Trạm cấp nước TT Khoái Châu	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
8	Trạm cấp nước xã Bình Minh	Ngầm	00	Theo thiết kế	Chưa	Không	Không	Không	Không	
9	Trạm cấp nước xã Hồng Tiến	Ngầm	02	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
10	Trạm cấp nước xã Tân Việt	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
11	Trạm cấp nước xã Dị Sử	Ngầm	04	Quá cũ	Chưa	Không	Không	Không	Không	
12	Trạm cấp nước Bạch Sam	Ngầm	01	Theo thiết kế	Chưa	Không	Không	Không	Không	
13	Trạm cấp nước xã Nhân Hòa	Ngầm	03	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
14	Trạm cấp nước xã Chi Đạo	Ngầm	01	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Có	
15	Trạm cấp nước TT Văn Giang	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
16	Trạm cấp nước xã Long Hưng	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	
17	Trạm cấp nước xã Phụng Công	Ngầm	00	Theo thiết kế	Đạt	Không	Không	Có	Không	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT NGHIỆM CỦA CÁC TRẠM CẤP NƯỚC
(Kèm theo báo cáo tháng 7/2018)

TT	Tên nhà máy, Trạm cấp nước	Vị trí lấy mẫu	Kết quả hóa lý			Kết quả vi sinh		
			Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt	Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt
1	Công ty cổ phần nước sạch Hưng Yên	Đầu nguồn		X	- Mangan cao - Clorua cao	X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn	X			X		
2	Trạm cấp nước Phú Hưng- Xã Phú Cường- Thành phố	Đầu nguồn		X	Clo dư cao	X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn	X			X		
3	Nhà máy nước Phổ nội – Mỹ Hào	Đầu nguồn		X	Clo dư cao	X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
4	Công ty CPĐTKD NS và NGK Thăng Long- Yên Mỹ	Đầu nguồn	X			X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
5	Trạm cấp nước thị trấn Yên Mỹ - Yên Mỹ	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
6	Trạm cấp nước Phùng Hưng- Khoái Châu	Đầu nguồn	X			X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn	X			X		
7	Trạm cấp nước xã Cương Chính- Tiên Lữ	Đầu nguồn	X			X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn	X			X		

TT	Tên nhà máy, Trạm cấp nước	nguồn	Kết quả hóa lý			Kết quả vi sinh		
		Vị trí lấy mẫu	Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt	Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt
8	Trạm cấp nước xã Hải Triều- Tiên Lữ	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
9	Trạm cấp nước xã Phú Thịnh – Kim Động	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp		X	C oliforms tổng số
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp		X	C oliforms tổng số
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp		X	C oliforms tổng số
10	Trạm cấp nước Nguyễn Hòa- Phù Cừ	Đầu nguồn		X	Clo dư cao	X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn	X			X		
11	Trạm cấp nước xã Dạ Trạch – Khoái Châu	Đầu nguồn	X			X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn	X			X		
12	Trạm cấp nước Ecopark – Văn Giang	Đầu nguồn	X			X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn	X			X		
13	Trạm cấp nước Ngọc Tuấn – Kim Động	Đầu nguồn		X	Clo dư cao	X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn	X			X		
14	Trạm cấp nước Thịnh Phát – Văn Giang	Đầu nguồn	X			X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp		X	- Coliforms tổng số - Coliforms

TT	Tên nhà máy, Trạm cấp nước	Vị trí lấy mẫu	Kết quả hóa lý			Kết quả vi sinh			Chịu nhiệt
			Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt	Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt	
15	Trạm cấp nước xã Trung Hưng – Yên Mỹ	Đầu nguồn	X			X			
		Giữa nguồn	X			X			
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X			
16	Trạm cấp nước xã liên xã Lý Thường Kiệt – Tân Việt- Yên Mỹ	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X			
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X			
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp		X	Coliforms chịu nhiệt	
17	Trạm cấp nước xã Trung Trắc – Văn Lâm	Đầu nguồn	X				X		
		Giữa nguồn	X				X		
		Cuối nguồn	X				X		
18	Trạm cấp nước thị trấn Như Quỳnh – Văn Lâm	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp		X	- Coliforms tổng số - Coliforms chịu nhiệt	
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp		X	Coliforms tổng số	
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp		X	- Coliforms tổng số - Coliforms chịu nhiệt	
19	Trạm cấp nước xã Phạm ngũ Lão – Kim Động	Đầu nguồn		X	Clo dư cao	X			
		Giữa nguồn		X	Clo dư cao	X			
		Cuối nguồn		X	Clo dư cao	X			
20	Trạm cấp nước xã Chỉ Đạo-Văn Lâm	Đầu nguồn	X			X			
		Giữa nguồn	X			X			
		Cuối nguồn	X			X			
21	Trạm cấp nước thị	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X			

	trần Khoái Châu	Giữa nguồn CN		X	Clo dư thấp	X		
				X	Clo dư thấp	X		
TT	Tên nhà máy, Trạm cấp nước	Vị trí lấy mẫu	Kết quả hóa lý			Kết quả vi sinh		
			Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt	Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt
22	Trạm cấp nước xã Hồng Tiến – Khoái Châu	Đầu nguồn		X	Clo dư cao	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
23	Trạm cấp nước xã Thuần Hưng- Khoái Châu	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
24	Trạm cấp nước xã Dị Sử- Mỹ Hào	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
25	Trạm cấp nước xã Bình Minh- Khoái Châu	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp		X	Coliforms chịu nhiệt
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
26	Trạm cấp nước Bạch Sam-Mỹ Hào	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
27	Trạm cấp nước xã Nhân Hòa- Mỹ Hào	Đầu nguồn	X			X		
		Giữa nguồn	X			X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
28	Trạm cấp nước xã Hưng Đạo- Tiên Lữ	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối		X	Clo dư thấp	X		

		nguồn						
TT	Tên nhà máy, Trạm cấp nước	Vị trí lấy mẫu	Kết quả hóa lý			Kết quả vi sinh		
			Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt	Đạt	Không đạt	Chỉ số không đạt
29	Trạm cấp nước xã Thụ Lôi- Tiên Lữ	Đầu nguồn		X	- Clorua cao - Clo dư thấp	X		
		Giữa nguồn		X	- Clorua cao - Clo dư thấp		X	Coliforms chịu nhiệt
		Cuối nguồn		X	- Clorua cao - Clo dư thấp		X	- Coliforms tổng số - Coliforms chịu nhiệt
30	Trạm cấp nước xã Long Hưng – Văn Giang	Đầu nguồn	X			X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
31	Trạm cấp nước xã Phụng Công – Văn Giang	Đầu nguồn		X	Amoni cao	X		
		Giữa nguồn		X	- Clo dư thấp - Amoni cao	X		
		Cuối nguồn		X	- Clo dư thấp - Amoni cao	X		
32	Trạm cấp nước thị trấn Văn Giang – Văn Giang	Đầu nguồn		X	Clo dư cao	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
33	Trạm cấp nước Minh Tân- Phù Cừ	Đầu nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Giữa nguồn		X	Clo dư thấp	X		
		Cuối nguồn		X	Clo dư thấp	X		
34	XN cấp nước TT Ân Thi- Ân Thi	Đầu nguồn		X	Clorua cao	X		
		Giữa nguồn		X	Clorua cao	X		
		Cuối nguồn		X	Clorua cao	X		



